TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 -2019
"V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cao Thị Thanh Thúy
2. Bà Tô Thị Lành

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36 /2019/TLST- HNGĐ ngày16 tháng 01 năm 2019, về tranh chấp: "Yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: R, sinh năm 1997.
Địa chỉ: Làng P, xã B, Tp. P, tỉnh Gia Lai, có mặt.
2. Bị đơn: Anh Ksor C, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Làng S, xã B, Tp. P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/ 01/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị R trình bày:

Chị R và anh Ksor C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, TP.P, Gia Lai vào năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc được thời gian, đến thời gian gần đây thì chị R và anh Ksor C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị R và anh

Ksor C bất đồng quan điểm, giữa hai vợ chồng không thể nào có tiếng nói chung, anh Ksor C không hề quan tâm đến cuộc sống của tôi và thường xuyên say xỉn đánh đập tôi, không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị R yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị R yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Ksor C.

- Về con chung: anh chị có 01 con chung: Ksor H sinh ngày 24/3/2016. Ly hôn chị có nguyên vọng được nuôi con và yêu cầu anh anh Ksor C cấp dưỡng nuôi con cùng chị R với mức 2.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: chị R và anh Ksor C tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Ksor C trình bày:

Về việc mâu thuẫn như lời vợ tôi trình bày là có, tôi vẫn còn yêu thương vợ con và muốn quay trở lại để đoàn tụ, tôi sẽ cố gắng thay đổi để được chị R quay lại chấp nhận chung sống cùng.

Về con chung: anh chị có 01 con chung: Ksor H sinh ngày 24/3/2016. Con hiện đang sống chung với mẹ. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, tôi không đồng việc ly hôn nên không đề cập đến việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị R và anh C không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bản thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị R có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Ksor C cư trú tại: làng S, xã B, TP.P, Gia Lai. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Bị đơn là anh anh Ksor C đã được Tòa án triệu tập hợp và anh Ksor C đã chấp hành các thông báo của Tòa án, tuy nhiên khi tiến hành đưa vụ án ra xét xử anh Ksor C đã không chấp hành các thông báo này của Tòa án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị R và anh Ksor C

Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và và được Ủy ban nhân dân xã B TP.P, Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 11-12-2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị R và anh Ksor C là hợp pháp.

[5] Quá trình chung sống chị R cho rằng anh Ksor C không quan tâm tới gia đình, hai vợ chồng bất đồng quan điểm, giữa hai vợ chồng không thể nào có tiếng nói chung, anh Ksor C không hề quan tâm đến cuộc sống của vợ và thường xuyên say xỉn đánh đập vợ, không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, bản thân anh Ksor C cũng thừa nhận những mâu thuẫn nói trên và xin được quay trở về chung sống cùng, tuy nhiên chị R không chấp nhận yêu cầu của anh Ksor C. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của chị R và anh Ksor C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị R.

[6] Về con chung: Chị R và anh Ksor C có 01 con chung là Ksor H sinh ngày 24/3/2016. Chị R có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị R là phù phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị R yêu cầu anh Ksor C cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng là đúng theo quy định của pháp luật và mức cấp dưỡng

trên là phù hợp nên HĐXX chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị R và anh Ksor C thỏa thuận về phần tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị R và anh Ksor C không có nợ chung nên không có yêu cầu gì. Do đó, Tòa án không đề cập đến.

[9] Về án phí: Chị R là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng, anh Ksor C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị R.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị R và anh Ksor C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ksor H sinh ngày 24/3/2016 cho chị R được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Ksor C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Ksor H sinh ngày 24/3/2016 với số tiền là 1.000.000đ /tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu Ksor H thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu anh Ksor C không thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng anh Ksor C còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị R phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0004508 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Chị R đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ksor C phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 20/6/2019), riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu cơ quan thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã B TP.P, Gia Lai.
(Giấy CNKH số 86 ngày 11-12-2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA